

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/HS- ST
Ngày: 27/5/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ma Quốc Thề

Ông Nguyễn Văn Quang

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Thuỷ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22, 27 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐXXST- HS, ngày 09/5/2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Đức H** - sinh năm 1981; tại Tuyên Quang; Nơi cư trú: thôn C, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 3/12; dân tộc: Sán diu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn Đ (đã chết); con bà: Tạ Thị H; sinh năm 1958; vợ: Đỗ Thị S; sinh năm 1980; con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Văn Thắng – Trợ giúp viên Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang. (có mặt).

- *Bị hại:* Anh Trịnh Văn H1, sinh năm 1992; Trú tại: thôn H, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (có mặt)

- *Người làm chứng:* anh Bàn Đức Mạnh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 31/01/2019 anh Trịnh Văn H nhờ anh Bàn Đức M ở cùng thôn điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 22S2- 21... (xe của M) chở H1 đến nhà Trần Đức H để đòi nợ số tiền 1.000.000đ do H vay nợ H1 từ trước. Khi đến nhà H, H1 vào nhà trước còn M vào sau, tại bàn uống nước H1 hỏi H: “*Anh không trả nợ tiền cho em à?*”, H trả lời: “*Tao không nợ tiền của mày, tao không trả*”. Sau đó hai bên cãi chửi nhau lời qua tiếng lại, H đuổi H1 về nhưng H1 không về, H lấy một đoạn gậy gỗ dài 92cm ở gần cửa ra vào vụt một phát trúng vào đầu gối bên phải của H1, H1 bỏ chạy ra ngoài sân, H đuổi theo vụt nhiều phát trúng vào lưng và một phát trúng vào đầu H1. H1 nhảy qua bờ tường bỏ chạy thì sự việc chấm dứt. Sau đó H1 được gia đình đưa đến Trạm y tế xã N sơ cứu. Ngày 01/02/2019 Trần Đức H đến Công an xã N đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tại kết luận giám định số 30/2019/Tgt ngày 28/02/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Tuyên Quang kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Trịnh Văn H1 do thương tích gây nên hiện tại là 03% (*Ba phần trăm*).

Trên cơ sở kết luận điều tra, ngày 10/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện S ban hành Cáo trạng số 46/CT- VKS truy tố bị cáo Trần Đức H về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện S giữ nguyên nội dung cáo trạng, truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Áp dụng: Điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Đức H từ 06 đến 09 tháng tù.

- Áp dụng: Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu, tiêu hủy 01 đoạn gậy gỗ dài 92 cm, đường kính đầu to 2,7cm, một đầu gậy vát chéo, đầu gậy còn lại là đoạn máu dài 05cm, đường kính 02cm.

- Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự, các điều 357, 468, 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền viện phí 190.000đ và từ 3 – 5 tháng lương cơ sở tiền tổn thất tinh thần.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa trình bày lời bào chữa: nhất trí với truy tố của Viện Kiểm sát về việc truy tố bị cáo phạm tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 1, điều 134 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên việc bị cáo đánh bị hại xuất phát từ lý do bị hại vô

có đến đòi tiền bị cáo, thời gian đến nhà lúc gần nửa đêm, có hành động đập bàn, chửi bới bị cáo, gây ảnh hưởng đến hoạt động sinh hoạt của gia đình bị cáo. Vì vậy hành vi của bị cáo không thuộc trường hợp phạm tội có tính chất côn đồ nên không nhất trí với truy tố của Viện kiểm sát về việc áp dụng điểm i, khoản 1 điều 134 để truy tố đối với bị cáo. Do bị hại có lỗi nên hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện đầu thú, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; gia đình bị cáo là hộ cận nghèo, bị cáo có trình độ văn hóa thấp, am hiểu pháp luật còn hạn chế. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, vì vậy đề HĐXX xét xử áp dụng điểm a, khoản 1, điều 134; các điểm b, e, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 38, điều 65 xử phạt bị cáo mức khởi điểm của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ cải tạo giáo dục đối với bị cáo. Về bồi thường dân sự, đề nghị HĐXX xem xét bồi thường các khoản nếu bị hại xuất trình được tài liệu chứng minh, và đề nghị HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Bị hại Trịnh Văn H1 trình bày do bị cáo vay tiền của bị hại đã đòi nhiều lần nhưng không trả. Vì vậy ngày 31/01/2019 anh đến đòi tiền thì bị bị cáo đánh gây thương tích, anh đề nghị HĐXX buộc bị cáo bồi thường số tiền 30.000.000đ. Về hình phạt đề nghị HĐXX xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình nhưng không thừa nhận được vay tiền của bị hại. Nguyên nhân bị cáo đánh bị hại là do bị hại đến nhà bị cáo đòi tiền vô cớ và chửi bới xúc phạm bị cáo. Bị cáo chỉ nhất trí bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000đ. Lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Trần Đức H thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 31/01/2019, tại nhà riêng của bị cáo Trần Đức H tại thôn C, xã N, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo Trần Đức H đã thực hiện hành vi dùng 01 gậy gỗ đánh nhiều phát vào vùng chân, lưng, đánh 01 phát vào đầu anh Trịnh Văn H1 gây tổn thương cơ thể là 03%. Bị cáo dùng gậy gỗ là hung khí nguy hiểm để gây thương tích cho bị hại, thực hiện hành vi vì nguyên cớ nhỏ nhặt, giản đơn. Trong khi việc vay mượn nợ giữa bị cáo và bị hại chưa rõ ràng, nếu bị cáo cho rằng mình không nợ tiền bị hại thì bị cáo vẫn đủ tỉnh táo, có nhiều lựa chọn để có cách xử sự phù hợp, như báo đại diện thôn, xóm, công an viên đến can thiệp giải quyết về việc người khác đến gây rối hoặc xâm phạm

chỗ ở. Tuy nhiên bị cáo không kìm chế cảm xúc mà thực hiện hành vi một cách liều lĩnh, nguy hiểm. Bị cáo đã ngay lập tức lấy gậy gỗ có sẵn trong nhà để đánh bị hại nhiều phát. Ngay cả khi bị hại đã bỏ chạy bị cáo vẫn tiếp tục truy đuổi đánh thêm 01 phát vào đầu là vết thương trực tiếp gây nên thương tích 3% cho bị hại. Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp sử dụng hung khí nguy hiểm và có tính chất côn đồ, vì vậy cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại các điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị của người bào chữa không áp dụng tình tiết có tính chất côn đồ đối với bị cáo là không có căn cứ.

[2] Xét tính chất, vai trò, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX nhận định: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực, lỗi cố ý, động cơ mục đích gây thương tích cho người khác. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thực được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi thực hiện hành vi bị cáo đã ra đầu thú; tự nguyện nộp trước một khoản tiền là 500.000đ tại cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với đề nghị của người bào chữa và đại diện Viện kiểm sát cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b, điều 51 Bộ luật hình sự. HĐXX nhận thấy quá trình điều tra bị cáo tạm nộp được 500.000đ để bồi thường cho bị cáo. Số tiền tạm nộp này là không đáng kể so với tổng số tiền phải bồi thường cho bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận theo đề nghị của Viện Kiểm sát và người bào chữa, đây chỉ được coi là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2, điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hướng xử lý: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của người khác. Căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX xét thấy cần thiết phải xét xử bị cáo hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra. Đồng thời cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, qua đó mới đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo cũng như răn đe phòng ngừa tội phạm chung tại địa phương.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa anh Trịnh Văn H1 yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản: Tiền mua mật gấu là 12.000.000đ; Tiền ăn và chi phí đi lại, tiền thuốc trong 09 ngày nằm viện là

4.000.000đ; Tiền chi phí trong 02 tháng không đi làm việc và tiền bồi thường danh dự là 14.000.000đ. Tổng cộng là 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*).

Tại biên bản làm việc ngày 09/5/2019, Tòa án đã yêu cầu bị hại Trịnh Văn H1 giao nộp các chứng cứ chứng minh cho thiệt hại bị mất cho Tòa án. Thời gian giao nộp chậm nhất là ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên anh H1 chỉ giao nộp thêm giấy biên nhận tiền thuê xe, ngoài ra không giao nộp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí bồi thường cho bị hại khoản tiền xe đi lại khám bệnh và giám định; tiền viện phí theo hóa đơn; tiền mất thu nhập trong 12 ngày đi khám bệnh, giám định và nghỉ ngơi không lao động được. Các khoản khác không nhất trí bồi thường.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đối chiếu với các quy định của pháp luật về bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm, Hội đồng xét xử xét thấy cần ghi nhận các khoản bị cáo nhất trí bồi thường cho bị hại gồm:

- Tiền thuê xe đi khám bệnh và giám định thương tích từ Ninh Lai đến Bệnh viện A Tuyên Quang và ngược lại = 1.000.000đ (*một triệu đồng*)

- Tiền viện phí theo biên lai = 190.000đ (*một trăm chín mươi nghìn đồng*)

- Tiền mất thu nhập trong 12 ngày x 83.561đ/người/ngày (thu nhập trung bình của lao động làm ruộng tại xã Ninh Lai) = 1.027.320đ. (*một triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi đồng*).

Tổng cộng là: 2.217.320đ. (*Hai triệu hai trăm mười bảy nghìn ba trăm hai mươi đồng*).

Ngoài ra HĐXX cần buộc bị cáo bồi thường cho bị hại khoản tiền tổn thất về tinh thần. Trong vụ án này, bị hại bị tổn hại 3% sức khỏe, vết thương trên đỉnh đầu không ảnh hưởng nhiều đến thẩm mỹ, tuy nhiên có ảnh hưởng đến tâm lý, tinh thần nên cần buộc bị cáo bồi thường 4 tháng lương cơ sở tại thời điểm bồi thường là phù hợp. Cụ thể lương cơ sở hiện nay là 1.390.000đ x 4 tháng = 5.560.000đ.

Tổng cộng các khoản bị cáo phải bồi thường cho bị hại là: 7.777.320đ (*bảy triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi đồng*), được trừ vào số tiền 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) bị cáo đã tạm nộp tại cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền là 7.277.320đ (*bảy triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi đồng*)

[6] Về vật chứng: 01 đoạn gậy gỗ dài 92 cm, đường kính đầu to 2,7cm, một đầu gậy vát chéo, đầu gậy còn lại là đoạn mấu dài 05cm, đường kính 02cm là công cụ phương tiện phạm tội không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm e, điều 51 BLHS phạm tội thuộc trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra. HĐXX nhận thấy quan hệ vay mượn giữa bị cáo và bị hại không có giấy tờ vay mượn, chưa rõ ràng nên bị hại đến

đòi tiền bị cáo, khi đòi tiền mặc dù bị hại và bị cáo có to tiếng cãi nhau, bị hại có đập tay xuống bàn uống nước nhưng chưa có hành động gì cụ thể đe dọa uy hiếp bị cáo nên chưa đủ cơ sở để coi bị hại có hành vi trái pháp luật đối với bị cáo. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận. Về đề nghị xử phạt bị cáo mức nhẹ nhất của khung hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo. HĐXX xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên xét xử bị cáo hình phạt tù ở mức khởi điểm của khung hình phạt theo đề nghị của người bào chữa là phù hợp. Tuy nhiên do bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ nên không đủ điều kiện để xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: bị cáo là hộ cận nghèo, người bào chữa đề nghị miễn án phí nên bị cáo được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các Điều tra viên, Kiểm sát viên và những người tiến hành tố tụng khác đã thực hiện đúng các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* **Về tội danh:** căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố Bị cáo Trần Đức H phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

* **Về hình phạt:** Căn cứ vào điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Đức H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

* **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các điều 357, 468, 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự, tuyên:

Bị cáo Trần Đức H phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại Trịnh Văn H1 tổng số tiền là 7.777.320đ (*Bảy triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi đồng*). Được trừ đi số tiền 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) bị cáo đã nộp để khắc phục hậu quả, bị cáo Hai còn tiếp tục phải bồi thường cho bị hại H số tiền là 7.277.320đ (*Bảy triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi đồng*).

Số tiền 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*), bị cáo Trần Đức H1 đã nộp hiện đang tạm gửi tại tài khoản số 3949.0.1064844.00000 là tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S mở tại kho bạc Nhà nước huyện S theo công văn chuyển tiền số 1086/CV- CQCSĐT ngày 27/5/2019 của Công an huyện S. Số tiền này được trả cho bị hại Trịnh Văn H.

Khoản tiền phải trả, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

*** Về vật chứng:** áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên: Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn gậy gỗ dài 92 cm, đường kính đầu to 2,7cm, một đầu gậy vát chéo, đầu gậy còn lại là đoạn mấu dài 05cm, đường kính 02cm.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S ngày 11/4/2019).

*** Về án phí:** Căn cứ vào điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên: bị cáo Trần Đức H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Trần Đức H.

*** Về quyền kháng cáo:** căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/5/2019). Vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S;
- Công an huyện S;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục THADS huyện S;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã N;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quang

Ma Quốc Thể

Nguyễn Văn Toàn

